

# NHỮNG TƯ TƯỞNG CƠ BẢN CỦA HÊGHEN VỀ LÔGÍC HỌC VỚI TÍNH CÁCH LÀ LÔGÍC BIỆN CHỨNG

NGUYỄN ĐÌNH TƯỜNG\*

Thông thường để xây dựng một hệ thống triết học của mình, thì mỗi triết gia đều phải xuất phát từ điểm xuất phát triết học riêng biệt. Theo Ăngghen, điểm xuất phát đó là vấn đề cơ bản của triết học mà nó được giải quyết trên lập trường của từng triết gia. Hêghen cho rằng, điểm xuất phát đó có một vị trí vô cùng quan trọng trong quá trình hình thành nên học thuyết triết học mới. Nó có thể khắc phục được những hạn chế của các học thuyết đã có từ trước. Chính vì vậy Hêghen đã xác định điểm xuất phát triết học của ông là sự đồng nhất duy tâm giữa tư duy và tồn tại hay là ý niệm tuyệt đối. Nói một cách khác Hêghen là nhà triết học duy tâm khách quan, nghĩa là đối với ông tư tưởng của chúng ta không phải là sự phản ánh thế giới hiện thực khách quan, trái lại những sự vật và hiện tượng trong thế giới là sự thể hiện của ý niệm tuyệt đối, mà ý niệm này tồn tại trước khi thế giới xuất hiện.

Căn cứ vào sự phát triển của ý niệm tuyệt đối mà Hêghen đã cấu trúc hệ thống triết học của ông thành Lôgíc học, Triết học tự nhiên và Triết học tinh thần. Bài viết này muốn đề cập đến những tư tưởng của Hêghen về Lôgíc học với tính cách là Lôgíc biện chứng trong hệ thống triết học Hêghen.

---

\* TS. Viện Triết học

Theo Hêghen, đồng nhất giữa tư duy và tồn tại cũng có nghĩa là những quy luật của tư duy được Logic học nghiên cứu, thực chất cũng là những quy luật của tồn tại (của tự nhiên, của lịch sử). Vì vậy Logic học là bộ phận sinh động nhất của hệ thống triết học Hêghen, bởi vì trong đó phép biện chứng của ông đã được thể hiện một cách đầy đủ nhất.

Để xây dựng Logic học mới với tính cách là Logic biện chứng, Hêghen đã nghiên cứu toàn bộ quá trình phát triển của logic hình thức cổ điển trước đây. Tuy không phủ nhận ý nghĩa và vai trò của logic hình thức trong lịch sử nhận thức, nhưng Hêghen đã chỉ ra những hạn chế của nó. Theo Hêghen, logic học trước ông là khoa học về những hình thức tư duy chủ quan, vì vậy nó chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được với sự phát triển của triết học và khoa học. Trên cơ sở đó Hêghen đã sáng tạo ra một hệ thống logic học mới - Logic biện chứng nhằm đem lại cho triết học một phương pháp luận mới đó là phép biện chứng. Phép biện chứng của Hêghen là một trong những thành tựu quý giá nhất của triết học cổ điển Đức nói riêng và lịch sử triết học trước Mác nói chung. Tuy nhiên Hêghen đã sáng tạo Logic biện chứng trên lập trường duy tâm. Ông đã xuất phát từ cơ sở đồng nhất giữa tư duy và tồn tại khi coi những qui luật của tự nhiên, của lịch sử cũng là những qui luật của tư duy. Để lý giải điều này, Hêghen cho rằng, con người có khả năng nhận thức được thế giới một cách tuyệt đối và đầy đủ, nghĩa là tư duy con người nhận thức được thế giới tự nhiên và xã hội. Từ đó ông coi tư duy là bản chất của chúng. Đồng thời quan niệm của Hêghen về sự thống nhất giữa chủ thể và khách thể không giống như quan niệm của chủ nghĩa duy vật, mà ông coi nó như là sự đồng nhất hoàn toàn của chúng. Điều này có nghĩa là đối với Hêghen khách thể của tư duy không khác biệt với bản thân tư duy. Những khách thể của tư duy thực chất chỉ là những qui định của chính tư duy mà thôi. Theo Hêghen, tư duy ở đây hoàn toàn không được xem xét như là sản phẩm đặc biệt của bộ óc con người, như là nét đặc thù của con người. Hêghen đồng nhất tư duy với hoạt động của ý niệm tuyệt đối với tư cách là cơ sở của mọi sự vật, hiện tượng của thế giới. Hơn nữa tư duy đồng thời vừa là khách thể, vừa là chủ thể, nó vừa là những gì đang tư duy, vừa là những gì được tư duy. Tuy nhiên, Hêghen cũng thừa nhận cảm giác, trực giác, biểu tượng, mong muốn là những hình thức của ý thức con người. Nhưng tất cả chúng đối với ông chỉ là những thể hiện không đầy đủ, là những nét hoa văn bên ngoài của tư duy, tư tưởng.

Vì vậy vật chất theo ông, cũng thuộc về tư duy, tư tưởng mà thôi. Hêghen cho rằng, đối tượng đúng đắn của tư tưởng chính là bản thân tư tưởng, vì tư tưởng là chân lý của mọi sự vật. Cho nên sự phát triển cũng cần phải được tiến hành theo những quy luật của tư tưởng, theo những quy luật của Lôgíc học. Chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối của Hêghen vì vậy còn được xác định như là chủ nghĩa duy tâm lôgíc. Ý niệm tuyệt đối là tư duy về tư duy, đồng thời cũng có nghĩa là tự nhận thức, là sự mở rộng những xác định lôgíc vốn có đối với nó. Những phạm trù là những xác định lôgíc này, hơn nữa chúng còn thể hiện sự phát triển của ý niệm tuyệt đối. Theo Hêghen, những phạm trù không phải là sự phản ánh thế giới hiện thực khách quan, mà là những khái niệm thuần túy.

Trong "Khoa học lôgíc" Hêghen đã thể hiện tư tưởng về Thượng đế có trước khi thế giới và con người xuất hiện. Đây là tính qui luật của ý niệm tuyệt đối tồn tại trước bản thân thế giới và như là thuộc tính siêu nhiên nào đó của thần thánh. Theo Ăngghen, trong Cơ đốc giáo thế giới được sáng tạo một cách đơn giản bởi Thượng đế, còn trong triết học Hêghen thì sự sáng tạo này có hình thức phức tạp và khó hiểu hơn. Theo Hêghen, Lôgíc học "thể hiện Chúa trong bản chất vĩnh hằng của Đức chúa trước khi sáng tạo ra giới tự nhiên và các tinh thần hữu hạn"<sup>(1)</sup>tức là những con người cụ thể.

Như đã nêu trên, những phạm trù trong triết học Hêghen không phải là sự phản ánh thế giới khách quan, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng hoàn toàn không chứa đựng một nội dung gì cả. Trái lại, những phạm trù của Hêghen còn có ý nghĩa bản thể luận. Một trong những sự khác biệt giữa triết học Hêghen và Cantơ cũng chính là ở điểm này. Theo Cantơ, những phạm trù không có mối liên hệ nào với thế giới hiện thực khách quan, chúng là sản phẩm của ý thức con người. Vì vậy, những phạm trù tự chúng không chứa đựng nội dung khách quan. Còn ở Hêghen thì những phạm trù lôgíc không phải là cái gì khác hơn là những trừu tượng được tách ra từ bản thân hiện thực, cho nên chúng có nội dung sinh động, phong phú, từ đó tạo nên nội dung sâu sắc của Khoa học lôgíc. Tuy nhiên dưới góc độ duy tâm Hêghen đã đánh giá những phạm trù cao hơn thế giới khách quan, khi ông coi chúng là những tấm vải mộc, còn mọi hiện tượng, quá trình của thế giới chỉ là những hoa văn được trang trí trên những tấm vải này.

Theo Hêghen, ý niệm tuyệt đối là bản chất của tự nhiên cũng như của tinh thần. Tất cả mọi sự vật chỉ là chân lý chừng nào trong chúng đều thể hiện ý niệm này. Các sự vật tự nó là nhất thời, tận cùng không phải là chân lý. Chỉ có ý niệm tuyệt đối tồn tại như là hệ thống của những phạm trù là vĩnh viễn, là cơ sở của mọi vật, mọi hiện tượng của thế giới. Hêghen cho rằng, thế giới khách quan là lôgic học ứng dụng, còn Lôgic học là học thuyết về ý niệm tuyệt đối, là "hệ thống các phạm trù của tư duy, trong đó sự đối lập giữa tính khách quan và chủ quan bị triệt tiêu"<sup>(2)</sup> Hêghen nhấn mạnh rằng, những phạm trù thực chất là những khái niệm mà tư duy thông thường cũng thường sử dụng chúng. Trong tư duy thông thường những phạm trù hoà nhập với nội dung của trực quan hay là của biểu tượng, vì vậy theo Hêghen, về thực chất chúng là không rõ ràng. Để làm rõ những phạm trù đó nhiệm vụ của khoa học lôgic là phải giải phóng chúng khỏi mọi nội dung của cảm giác, kinh nghiệm. Hêghen đồng nhất khoa học lôgic với lôgic học duy tâm. Lôgic học này sử dụng những kết quả phát triển của những khoa học tự nhiên. Theo Hêghen, những khoa học này có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu cho lôgic học nhằm phát hiện những quy luật, những khái niệm chung. Lôgic học duy tâm của Hêghen đã coi những khoa học này dưới những hình thức khác nhau và đặt dấu ấn vào chúng. Nó chỉ ra rằng những quy luật và những khái niệm của các khoa học tự nhiên là sự thể hiện không đầy đủ của những phạm trù lý tính thuần tuý.

Tác phẩm chủ yếu của Hêghen là *Khoa học lôgic* được gọi là Đại lôgic và Lôgic học phân đầu của *Bách khoa toàn thư các khoa học triết học* hay còn gọi là Tiểu lôgic đều nghiên cứu những phạm trù lôgic như là hệ thống phát triển, gắn liền và thống nhất với nhau. Chính trong *Khoa học lôgic* cũng như Lôgic học Hêghen đã trình bày một cách đầy đủ và sâu sắc phép biện chứng trên cơ sở duy tâm. Theo Mác, phép biện chứng của Hêghen (hay như chính Hêghen gọi là phương pháp tuyệt đối) là sự trừu tượng của vận động, trừu tượng của phát triển của thế giới hiện thực khách quan. Phép biện chứng này được Hêghen hình dung như là sự vận động dưới hình thức cực kỳ trừu tượng, sự vận động của lý tính thuần tuý.

Trong Lôgic học Hêghen đã trình bày qui luật phủ định của phủ định như là một trong những quy luật quan trọng nhất của phép biện chứng.

Hêghen đã đồng nhất quy luật này với tam đoạn thức: chính đề - phản đề - hợp đề. Từ đó ông đã xây dựng nên hệ thống triết học cũng như từng phần trong hệ thống đó. Mỗi một phạm trù của phép biện chứng được Hêghen sắp xếp dưới hình thức chính đề. Chính đề này trong quá trình vận động, phát triển trở thành phản đề và sau đó chúng hoà nhập vào khái niệm cao nhất là hợp đề. Hợp đề không phải là quay trở lại một cách đơn giản về chính đề, mà là giai đoạn phát triển cao hơn bởi yếu tố phủ định. Quy luật phủ định của phủ định vạch ra khuynh hướng của sự phát triển từ thấp cho đến cao. Theo Hêghen mặt phủ định thể hiện trong mỗi một phạm trù, khái niệm là cơ sở, điều kiện của quá trình phát triển. Ở đây Hêghen đã vạch ra mâu thuẫn là nguyên nhân làm cho phạm trù, khái niệm chuyển từ giai đoạn này đến giai đoạn khác. Trong *Khoa học Lôgic* Hêghen đã nhấn mạnh "mâu thuẫn là nguồn gốc của mọi vận động và sức sống. Chỉ vì một cái gì đó có mâu thuẫn ở trong bản thân mình mà nó được vận động, có mạch đập và hoạt động"<sup>(3)</sup>.

Khi đặt ra những cơ sở của phép biện chứng Hêghen cho rằng, phương pháp này xuất phát từ sự vận động, phát triển của những mâu thuẫn được diễn ra trong những khái niệm. Sự vận động của mặt khẳng định đến mặt phủ định và việc xem xét sự thống nhất của chúng là bản chất của nhận thức trừu tượng, nhận thức biện chứng. Nhận thức này được Hêghen đối lập lại với nhận thức lý trí, lôgic hình thức.

Như vậy cấu trúc lôgic của Hêghen mang tính chất trừu tượng thuần túy. Hêghen đã xem xét hệ thống những phạm trù lôgic phát triển như là sơ đồ tiên nghiệm của sự phát triển thế giới. Mặc dù với lối tư duy có-tính chất tư biện, trừu tượng của Hêghen, nhưng những phạm trù Lôgic học của ông suy cho cùng cũng được rút ra từ thế giới hiện thực khách quan. Cho nên trong *Bút ký triết học* Lênin đã chỉ ra rằng, Hêghen đã phỏng đoán một cách thiên tài về phép biện chứng của những sự vật, hiện tượng, thế giới tự nhiên trong phép biện chứng của những khái niệm. Sự khẳng định này đã được thể hiện trong sự phát triển của những khái niệm trong Lôgic học Hêghen. Chính Mác cũng cho rằng, Hêghen trong sự trình bày một cách tư biện, trừu tượng thường lại đưa ra được một sự trình bày hiện thực bao gồm chính các sự vật. Chính những quan điểm này tạo nên giá trị to lớn của phép biện chứng của Hêghen, mà về sau chủ nghĩa duy vật biện chứng đã kế thừa và phát triển. Tuy nhiên, hạn chế của chủ nghĩa duy tâm đã không

cho phép Hêghen thực hiện nhiệm vụ được đặt ra trong triết học của ông là "cống hiến cho toàn bộ cuộc đời của sự vật". Đúng như Mác đã từng chỉ ra rằng nói chung Hêghen chủ yếu quan tâm đến không phải là lôgic của sự vật, mà là công việc của lôgic. Điều này có nghĩa là Hêghen có quan tâm đến nhận thức về thế giới hiện thực và sự phản ánh của nhận thức này vào trong những phạm trù nhưng không lớn tới mức như ông đã tạo nên hiện thực từ những khái niệm và phạm trù. Trong thực tế Hêghen đã xây dựng hệ thống nói chung cũng như Lôgic học nói riêng theo sơ đồ tam đoạn thức. Bằng con đường này Hêghen thường bịa ra những phạm trù mà chúng không thể có ở trong hiện thực được. Vì vậy một số phạm trù trong Lôgic học của ông có tính chất giả tạo. Điều này xuất phát từ tư tưởng của Hêghen về tất cả sự phong phú của thế giới đều được nảy sinh từ sự vận động của những khái niệm. Theo Mác, đối với Hêghen thì tất cả những gì đã diễn ra và đang diễn ra trong thế giới đều đồng nhất với những gì đang diễn ra trong tư duy vốn có của ông. Như vậy sự vận động và sự phát triển của những phạm trù theo Hêghen là thể hiện sự phát triển của tự nhiên, xã hội, của tất cả những biểu hiện văn hóa của con người. Bởi vì như chúng ta đã biết, Hêghen xuất phát không phải từ sự thống nhất, mà từ sự đồng nhất của tư duy và tồn tại. Ông cho rằng, chúng ta không cần phải nghiên cứu một cách cụ thể mọi chi tiết của sự phát triển của tự nhiên, xã hội vì sự phát triển của chúng chỉ là sự phản ánh sự phát triển của những khái niệm. Cho nên theo Hêghen, phân tích những khái niệm là phương tiện nhận thức hiện thực dễ hơn là nghiên cứu một cách cụ thể chính bản thân hiện thực này. Xuất phát từ quan niệm này mà Hêghen coi sự phát triển của thế giới như là sự phát triển của những khái niệm. Từ đó ông buộc phải đưa ra một số phạm trù mà chúng chưa từng có trong hiện thực, đặc biệt là sự chuyển biến một cách giả tạo từ một khái niệm này nảy sinh ra một khái niệm khác.

Theo Hêghen, nhiệm vụ của Lôgic học là thể hiện hệ thống những phạm trù không phải như là hệ thống có sẵn trước, bất động mà như là hệ thống phát triển không ngừng. Phù hợp với điều này Hêghen đã vạch ra sự phát triển của những phạm trù là đi từ trực tiếp, đơn giản, trừu tượng đến cụ thể, phức tạp và gián tiếp nhất.

"Khoa học lôgic" cũng như Lôgic học của hệ thống Hêghen gồm ba phần là học thuyết về tồn tại, học thuyết về bản chất và học thuyết về khái

niệm. Ý nghĩa về phát triển của những phạm trù chính là ở chỗ, trong Logic học Hêghen đã xuất phát từ tồn tại. Từ sự vận động của những phạm trù tồn tại mà xuất hiện phạm trù bản chất. Ở đây bản chất như là phản đề hay là sự phủ định của tồn tại. Sau đó, từ vận động của những phạm trù bản chất mà phát hiện ra khái niệm như là cơ sở sâu sắc hơn của toàn bộ quá trình phát triển của những phạm trù. Như vậy, khái niệm được biểu hiện ra là hợp đề của tồn tại và bản chất hay là sự phủ định của phủ định. Có thể nhận thấy rằng sự phát triển của những phạm trù ở trong học thuyết về tồn tại, bản chất, khái niệm và ở trong mỗi một phần nhỏ hơn của Logic học đều được thực hiện theo sơ đồ tam đoạn thức của Hêghen đề ra. Theo Hêghen, học thuyết về tồn tại và học thuyết về bản chất trong Logic học là Logic khách quan còn học thuyết về khái niệm là Logic chủ quan. Trong Logic khách quan Hêghen chủ yếu nghiên cứu những phạm trù của tư tưởng, mà chúng đồng thời cũng là những phạm trù của thế giới tự nhiên vô cơ. Còn trong Logic chủ quan Hêghen nghiên cứu sự vận động biện chứng của những phạm trù như những hình thức tư tưởng thuần túy và sự trưởng thành của đời sống tinh thần, của ý thức của khái niệm trong thế giới hữu cơ và con người. Tuy nhiên sự phân chia Logic học ra thành Logic khách quan và Logic chủ quan là có tính chất tương đối. Bởi vì trên thực tế trong Logic khách quan Hêghen bên cạnh phân tích những phạm trù của thế giới vô cơ, thì ông cũng có đề cập đến những phạm trù có quan hệ với ý thức của con người. Trái lại trong Logic chủ quan đồng thời với việc trình bày những phạm trù của đời sống hữu cơ thì Hêghen cũng đưa ra cả những phạm trù có mối liên quan với thế giới tự nhiên vô cơ.

Lần đầu tiên trong lịch sử triết học, Hêghen đã tạo ra được một lý luận biện chứng phát triển với tư cách logic học và là phương pháp. Ông đã kết hợp phép biện chứng và logic học thành một quan niệm thống nhất về logic biện chứng. Phép biện chứng là linh hồn của Logic học nhờ đó khoa học logic trở thành một cơ thể sống, chứ không phải là những phạm trù khô cứng như logic học trước đây. Công lao của Hêghen so với những bậc tiền bối chính là ở chỗ, ông đã đưa ra được một sự phân tích biện chứng, khái quát tất cả những phạm trù quan trọng nhất của triết học và đã hình thành nên ba qui luật cơ bản của tư duy trên cơ sở duy tâm. Không nghi ngờ gì nữa có thể khẳng định rằng "Tính chất thần bí mà phép biện chứng đã mắc phải ở trong tay Hêghen tuyệt nhiên không ngăn cản Hêghen trở thành

người đầu tiên trình bày một cách bao quát và có ý thức hình thái vận động chung của phép biện chứng ấy"

---

### Chú thích

1. *Hêghen, Khoa học lôgic*, t.1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Matxcơ va, 1970, tr 103 (Tiếng Nga).
2. *Hêghen, Sđd*, T1, tr 120
3. *Hêghen. Toàn tập*, t.5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Matxcova, 1937, tr.520, Bản tiếng Nga.
4. *C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập*, t.23, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.35